

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP
MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT QUA NỬA NHIỆM KỲ
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI,
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

I. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT

- Để thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 -2025 đạt hiệu quả, tỉnh đã đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm; 3 nhiệm vụ đột phá.

- Điểm nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm về “xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”, là tỉnh đã triển khai mô hình “Trên làm gương mẫu mực, dưới tích cực làm theo”, gắn thực hiện phương châm “Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển”

- Kết quả trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm “Tập trung huy động các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, tận dụng lợi thế để Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long”, tỉnh đã chỉ đạo triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, đẩy mạnh kêu gọi đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật vào Khu Kinh tế Định An, Khu đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp Ngũ Lạc, Khu phi thuế quan, Khu kho ngoại quan; Các dự án chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn thủy sản; Nhiều dự án (Khu bến tổng hợp Định An, Nhà máy sản xuất Hydro xanh, các dự án điện gió, hệ thống kho cảng xăng dầu, Khu Công nghiệp, Cụm Công nghiệp)... đã được triển khai.

- Trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm “Tập trung tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phấn đấu Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025”, tỉnh đã: xây dựng và duy trì được khoảng 60 nhãn hiệu nông sản, được cấp 23 mã số vùng trồng và 02 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu, 30 mã số vùng trồng nội địa, có 184 sản phẩm đạt OCOP (có 03 sản phẩm đạt OCOP quốc gia) từng bước khẳng định vị thế của sản phẩm trên thị trường; Ứng dụng công nghệ cao và quy trình sản xuất tốt (GAP) đạt trên 10% diện tích sản xuất; ngêu đạt chứng nhận ASC 433 ha và nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh 11.014 ha; Hoàn thành 05/08 tiêu chí tỉnh nông thôn mới.

- Một số kết quả nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ đột phá “Đột phá về phát triển hạ tầng theo hướng đồng bộ, liên kết, hiện đại, khắc phục các điểm nghẽn, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội”, tỉnh đã thực hiện các dự án giao thông trọng điểm do Bộ Giao thông vận tải đầu tư trên địa bàn tỉnh: Quốc lộ 53B, Cầu Đại Ngãi, Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2); Hạ tầng công nghệ thông tin phát triển tốt: Hệ thống Internet băng rộng cáp quang đã được phát triển đến 100% xã, phường, thị trấn. Trên 74% người dân sử dụng Internet; trên 60% dân số trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh; Từng bước đầu tư, xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật đủ tiêu chuẩn của các tiêu chí đô thị loại II, gắn với quy

hoạch mở rộng thành phố Trà Vinh; 02 xã Dân Thành và Trường Long Hòa trở thành phường; thị xã Duyên Hải hoàn thành các tiêu chí đô thị loại IV...

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm “Tập trung nâng cao các chỉ số đánh giá cấp tỉnh: Chỉ số PCI tăng 25 bậc, chỉ số PAPI tăng 07 bậc, chỉ số PAR INDEX tăng 02 bậc, chỉ số SIPAS tăng 06 bậc; chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) đứng đầu cả nước năm 2022.

- Thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá tỉnh đã đạt được những kết quả nổi bật: Hệ thống Internet băng rộng cáp quang đã được phát triển đến 100% xã, phường, thị trấn. Trên 74% người dân sử dụng Internet; trên 60% dân số trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh; Tích hợp nền tảng thanh toán trực tuyến vào Cổng dịch vụ công của tỉnh. Xây dựng hệ thống để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Vận hành hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số Trà Vinh (Smart Trà Vinh); Triển khai 36 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nghiệm thu 14 nhiệm vụ, 100% nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau nghiệm thu đã được ứng dụng vào thực tiễn.

- Trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ vững mạnh về tư tưởng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành nhiều văn bản trong đó nổi bật là Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 28/02/2022 về “Đổi mới công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh trong tình hình mới”.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ “Tiếp tục đổi mới hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị” đạt được những kết quả nổi bật: Giảm 02 cơ quan cấp tỉnh, 72 phòng, ban chuyên môn và tương đương; giảm được 79 đơn vị so với năm 2015; Sắp xếp, sáp nhập giảm 60/816 ấp, khóm (Hiện còn 755 ấp, khóm); Thực hiện tinh giản biên chế đạt tỷ lệ 13,87% so với biên chế được giao năm 2015.

- Tỷ lệ đảng viên chiếm 4,63% so với dân số toàn tỉnh.

- Tỷ lệ đảng viên là người dân tộc Khmer chiếm 17,40%; đảng viên là người Hoa chiếm 0,37% so với tổng số đảng viên của toàn tỉnh.

- Công tác vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên đạt 93,75% so với tổng dân số, vượt 8,75% so với chỉ tiêu.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí của tỉnh có những điểm nổi bật: Thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh. Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; công khai minh bạch trong hoạt động, qua đó phát hiện 06 vụ có dấu hiệu tội phạm. Đã khởi tố 04 vụ/10 bị can; truy tố, xét xử 02 vụ/08 bị can tội tham ô tài sản; các vụ còn lại đang xác minh, điều tra làm rõ, xử lý theo quy định.

- Điểm nổi bật trong công tác cải cách hành chính trong Đảng là: Ban hành Đề án số 03-ĐA/TU, ngày 28/3/2023 về “Sổ tay đảng viên điện tử” với trọng tâm là xây dựng phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử, cung cấp tài liệu, nghị quyết, văn bản của Đảng phục vụ sinh hoạt, học tập, nghiên cứu trong chi bộ.

- Kinh tế của tỉnh qua nửa nhiệm kỳ Đại hội XI: Tăng trưởng bình quân 3,12%/năm (năm 2021 tăng trưởng âm 1,28%, năm 2022 tăng 3,32% và ước năm

2023 tăng 7,5%). Quy mô nền kinh tế ước đạt 77.475 tỷ đồng (năm 2020 đạt 61.618 tỷ đồng).

- Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh qua nửa nhiệm kỳ Đại hội XI: Khu vực I tăng 3,63%, khu vực II giảm 2,93%; khu vực III tăng 9,82%.

- GRDP bình quân đầu người của tỉnh đến 7/2023 ước đạt 75,97 triệu đồng/người/năm (Đạt 71,36% Nghị quyết, năm 2020 đạt 62,66 triệu đồng).

- Thu nội địa tăng bình quân trên 4,43%/năm (6 tháng đầu năm 2023 thu 3.340,95 tỷ đồng, đạt 58,6% Nghị quyết), vốn đầu tư xã hội tăng nhanh, chiếm 44,67% GRDP.

- Kết quả nổi bật trong thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian qua: đã giải ngân 05 chương trình tín dụng chính sách xã hội đạt 172,86 tỷ đồng; triển khai 04 dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng với số vốn 366 tỷ đồng, đến nay đang thi công 01 dự án, đang tổ chức đấu thầu 03 dự án.

- Trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế biển, có những kết quả nổi bật: Tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản ước đạt 27.145 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 3,42%/năm; giá trị sản xuất/ha đất nuôi thủy sản đạt khoảng 400 triệu đồng/năm. Tổng sản lượng thủy sản 2,5 năm qua ước đạt 544.663 tấn; Thu hút đầu tư 24 dự án trong nước và 03 dự án nước ngoài, trong đó có 04 dự án ngành công nghiệp ven biển; Cải tạo 01 trạm biến áp 500 kV và xây dựng mới 02 trạm biến áp 220 kV, đầu tư mới 05 đường dây 220 kV (33 km). Cấp chủ trương đầu tư cho 09 dự án điện gió, với tổng công suất 666MW, đến nay có 05 dự án với tổng công suất khoảng 322MW đi vào vận hành thương mại; Nhà máy điện mặt trời Trung Nam hoạt động ổn định, hàng năm đóng góp vào lưới điện Quốc gia khoảng 250MWh.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ “phát triển nông nghiệp có giá trị gia tăng”: Tổng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 72.441 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng tăng bình quân giữa kỳ đạt 3,52%/năm. Giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác trồng trọt đạt khoảng 145 triệu đồng/ha; nuôi thủy sản đạt khoảng 400 triệu đồng/năm.

- Giá trị sản phẩm nông, thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 25%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, thủy sản ứng dụng công nghệ cao và quy trình sản xuất tốt (GAP) đạt trên 10%.

- Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt khoảng 53 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt 62%.

- Có 100% xã đạt nông thôn mới, trong đó có 38 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 8/9 huyện, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới và công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh qua nửa nhiệm kỳ Ước đạt 78.522 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh qua nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XI: ước Đạt 78.342 tỷ đồng (trong đó: vốn Nhà nước 15.070 tỷ đồng; vốn

ngoài Nhà nước 42.120 tỷ đồng; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) 21.152 tỷ đồng).

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,54%; tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch 99,2%; tỷ lệ dân cư nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 99,8%.

- Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ của tỉnh qua nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XI: bình quân 8,85%/năm.

- Tổng thu ngân sách đạt 43.183,36 tỷ đồng; tổng chi ngân sách đạt 34.997,47 tỷ đồng.

- Phát triển mới 1.084 doanh nghiệp; thành lập mới 47 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã.

- Những kết quả nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo: Kiên cố hóa đạt 92,94%; tỷ lệ học sinh bỏ học được kéo giảm từ 0,83 năm học 2021 - 2022 xuống còn 0,31% năm học 2022 - 2023. Công nhận 54 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Hiện có 180/403 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1).

- Một số kết quả nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh: Nghiệm thu 27 đề tài/dự án; triển khai 33 đề tài cấp tỉnh, 02 dự án đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ, 11 nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ; Đăng ký bảo hộ quốc tế 01 nhãn hiệu (Cty TNHH Trà Vinh Farm), 33 nhãn hiệu độc quyền, 02 kiểu dáng công nghiệp và bảo hộ độc quyền 05 sáng chế.

- Trong thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, thể dục, thể thao của tỉnh có những kết quả nổi bật: Công nhận 751 ấp, khóm văn hóa; 21 xã văn hóa nông thôn mới; 08 phường, thị trấn văn minh đô thị; 85/85 xã văn hóa nông thôn mới; 20/21 phường, thị trấn văn minh đô thị; Công nhận xếp hạng 01 di tích cấp quốc gia; 08 di tích cấp tỉnh; Tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 36,05% và gia đình thể thao 24,1%.

- Một số kết quả nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số và phát triển; gia đình và trẻ em của tỉnh: tỉ lệ giường bệnh Đạt 26,41 giường bệnh/vạn dân, đạt 9,4 bác sĩ/vạn dân; BHYT toàn dân ước đạt 90,05%; tỷ lệ tham gia BHXH chiếm 29,98% lực lượng lao động trong độ tuổi, BHXH tự nguyện chiếm 4% lực lượng lao động; tuổi thọ bình quân năm 2022 đạt 74,85 năm. 93/106 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; kéo giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 4,7%.

- Đào tạo nghề đạt 41,85% kế hoạch. Tạo việc làm đạt 51,9% Nghị quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị chiếm 2,8%. Lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 45,21%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 22,54% và dịch vụ chiếm 32,25% đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đạt 40,6% nghị quyết.

- Một số kết quả nổi bật trong thực hiện các chính sách xã hội và an sinh xã hội của tỉnh: Toàn tỉnh đã giảm 2,92% tỷ lệ hộ nghèo, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer giảm 5,93% và tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 3,37%.

- Trong công tác bảo vệ môi trường đạt được một số kết quả nổi bật như: Thu gom và xử lý rác, chất thải: Chất thải nguy hại 99,3%, chất thải rắn y tế 100%; rác thải rắn sinh hoạt đô thị trên 98,5%, tại khu vực nông thôn 83,25%. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 87,5%.

- Kết quả thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo: Các chương trình, chính sách, dự án trong vùng đồng bào dân tộc được triển khai thực hiện có hiệu quả; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được quan tâm, tập trung đầu tư. Bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy; Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường; Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các chức sắc, chức việc, tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, sống tốt đời đẹp đạo; các cơ sở tôn giáo thực hiện nhiều hoạt động thiện nguyện, góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội ở địa phương...

- Trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội: Hàng năm có 100% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh; lực lượng dự bị động viên, được phúc tra, đăng ký, quản lý và xếp nguồn đạt 99,82%; lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,51% dân số, tỷ lệ đảng viên 28,3%; 97,62% cơ quan, đơn vị, 99% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự (Nghị quyết lần lượt là 95% ,90%).

- Trong hoạt động đối ngoại: Có 23 tổ chức phi chính phủ nước ngoài cam kết thực hiện 58 chương trình, dự án với nguồn vốn cam kết tài trợ là 66,556 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 58,370 tỷ đồng.

- Qua nửa nhiệm kỳ triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI: có 07/27 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt Nghị quyết, 10/27 chỉ tiêu đạt từ 70% trở lên, 03/27 chỉ tiêu đạt từ 51,9 đến dưới 70%; 07/27 chỉ tiêu còn lại đạt từ 41% trở lên.

- Qua nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Đảng bộ tỉnh xác định có 5 ưu điểm/ 3 nguyên nhân ưu điểm và 7 hạn chế/4 nguyên nhân hạn chế, đồng thời rút ra 05 bài học kinh nghiệm.

- Bên cạnh đó tỉnh cũng đã xác định các chỉ tiêu có khả năng không đạt kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đề ra, đó là: Tăng trưởng GRDP; GRDP bình quân đầu người vào năm 2025; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 05 năm là 160.000 tỷ đồng; Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp năm 2025 còn 35%, trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 65%.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

- Tỉnh đưa ra 09 nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện nội dung “Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá” trong

thời gian tới; 04 nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; 10 nhiệm vụ, giải pháp chính để phát triển kinh tế - xã hội.

- Để nâng cao toàn diện chất lượng xây dựng nông thôn mới tỉnh đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: Tập trung xây dựng huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới; huyện Cầu Kè, Tiểu Cần đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; 51% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 20% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Trong định hướng “đẩy mạnh phát triển kinh tế biển” Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đưa ra những giải pháp quan trọng: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2030; Chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, logistics, năng lượng tái tạo, nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản, phát triển Khu kinh tế Định An và đô thị ven biển; Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thị xã Duyên Hải, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng thị xã Duyên Hải trở thành thành phố đô thị loại III mang đặc trưng đô thị ven biển và là trung tâm kinh tế tổng hợp phía Đông Nam của tỉnh.